

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 358/2023/HC-PT

Ngày: 22/9/2023

V/v: “*Khiếu kiện quyết định  
hành chính trong lĩnh vực quản lý đất  
đai*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Võ Thị Ngọc Dung

*Các Thẩm phán:* ông Vũ Thanh Liêm

ông Trương Công Thi

**- Thư ký phiên tòa:** bà Đinh Thị Thanh Yên, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên  
tòa:** bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 171/2023/TLPT-HC ngày 28 tháng 7 năm 2023 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 27/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3216/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông Đặng Thanh B và bà Nguyễn Thị N; địa chỉ: Khu phố B, Phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

*Người đại diện theo ủy quyền cho bà N:* Ông Đặng Thanh B là (Văn bản ủy quyền đề ngày 09/02/2023). Có mặt.

**2. Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; Trụ sở đóng tại: Số A H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Nguyễn Việt H- Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ. Có mặt.

### 3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị; Trụ sở đóng tại: Số 1 L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Hồ Công M - Phó giám đốc là người đại diện theo ủy quyền; có mặt.

- Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Nguyễn Đăng T- Công chức địa chính xây dựng- C, thành phố Đ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 01/GUQ-UBND đề ngày 21/02/2023); vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn H1; địa chỉ: Khu phố F, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

Người kháng cáo: Người bị kiện kháng cáo.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, Người khởi kiện trình bày:***

Năm 1991, ông Đặng Thanh B được C, thị xã Đ cấp cho 01 lô đất có diện tích 140m<sup>2</sup>, tại khu vực Nhà văn hóa cũ Phường C, để làm nhà ở. Sau khi nhận đất, ông B đã cải tạo đất, làm nhà nhỏ làm nơi sinh hoạt. Năm 2000, C có chủ trương đổi đất để giải tỏa xây dựng làm đường liên thôn, nên ông B được UBND Phường 3 giao lại thửa đất tại vị trí mới nay thuộc thửa số 437, tờ bản đồ số 15, diện tích 138m<sup>2</sup>, địa chỉ khu phố F, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Giấy tờ về quyền sử dụng đất gồm: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 09/4/2002, được C, xác nhận cùng ngày 09/4/2002; Biên bản thỏa thuận (về việc di dời địa điểm đất xây dựng nhà ở) do C lập ngày 19/4/2002; Giấy xác nhận đất ở lập ngày 09/4/2002.

Sau khi được giao đất tại vị trí mới, ông B đã trồng các loại cây hoa màu trong thời gian đầu và sau đó để hoang (do ông B là bộ đội điều chuyển công tác ở xa, không có người trông coi).

Trong thời gian quản lý, sử dụng thửa đất được giao, ông B đã đăng ký, kê khai, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất trên (nộp tiền thuế nhà đất hàng năm liên tục từ năm từ năm 2004 cho đến năm 2012).

Liên tục từ năm 2003 đến năm 2019, ông B làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên, cơ quan chuyên môn đã thực hiện

các thủ tục để cấp GCNQSD đất bao gồm: Danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do C lập ngày 02/12/2009; Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất lập năm 2017; Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất lập năm 2017; Trích lục bản trích đo địa chính do Văn phòng ĐKĐĐ thành phố Đông Hà lập ngày 13/6/2017.

Thửa số 437, tờ bản đồ số 15, diện tích 138m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố F, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông B, có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai. Hiện nay, thửa đất nêu trên nằm trong dự án mở đường T, đã thi công san ủi và hoàn thành đường T.

Tại Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 26/9/2022, về việc thu hồi đất (đợt 3) để xây dựng công trình đường T và Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 26/9/2022, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 3) để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường T, UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị đã xác định không đúng người sử dụng đất hợp pháp, vợ chồng ông B không có tên trong danh sách thu hồi đất để được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

*Yêu cầu Tòa án giải quyết:*

- Tuyên hủy một phần các Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 26/9/2022, về việc thu hồi đất (đợt 3) để xây dựng công trình đường T và Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 26/9/2022, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 3) để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường T của UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị;

- Buộc UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với thửa đất số 437, tờ bản đồ số 15, diện tích 138m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố F, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị cho người sử dụng đất hợp pháp là vợ chồng ông B theo đúng quy định của pháp luật.

***Tại Văn bản số 2417/UBND – PTNMT ngày 30/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện trình bày:***

Công trình đường T được UBND tỉnh Q phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình tại Quyết định số 2325/QĐ-UBND ngày 18/8/2020.

Ngày 19/7/2022, UBND thành phố Đ đã ban hành Thông báo số 120/TB-UBND về việc thông báo thu hồi đất (điều chỉnh) xây dựng công trình. Theo đó, thửa đất số 437, tờ bản đồ số 15, diện tích thu hồi 138m<sup>2</sup>, loại đất BHK, người quản lý, sử dụng đất là ông Nguyễn Văn H1.

Ngày 20/7/2022, C có Công văn số 87/UBND-ĐC về việc xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất và các tiêu chí liên quan về đất của người sử dụng đất công trình đường T. Theo đó, C xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với thửa đất số 437, tờ bản đồ số 15 như sau: “*Trước năm 2000, ông Nguyễn Văn H2 khai hoang sử dụng đến năm 2000, ông H2 để lại cho ông H1 sản xuất trồng các loại cây nông nghiệp. Năm 2000, C sử dụng thửa đất này để*

*đổi cho ông Đặng Thanh B, đã được C cùng ông Đặng Thanh B thống nhất lập thành văn bản ngày 19/4/2000, thành phần gồm có Đảng ủy, UBND, UBMTTQVN Phường 3, nên tại Bản đồ đo đạc địa chính và sổ mục kê năm 2002 thửa đất này được kê khai tại thửa 437, tờ bản đồ số 15, diện tích 138m<sup>2</sup> đất “T” mang tên Đặng Thanh B. Do đó, ông Nguyễn Văn H1 ngừng sản xuất từ năm 2001 đến năm 2005, đến năm 2006 ông Nguyễn Văn H1 tiếp tục sản xuất cho đến khi có Thông báo thu hồi đất của UBND thành phố”. Như vậy, theo Công văn số 87/UBND-ĐC ngày 20/7/2022 của C, mặc dù ông Đặng Thanh B được C xét giao đất tại vị trí thửa đất số 437, tờ bản đồ số 15 nhưng ông không sử dụng đất, người đang sử dụng đất là ông Nguyễn Văn H1.*

Trên cơ sở đó, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ đổi với thửa đất số 437, tờ bản đồ số 15 cho ông Nguyễn Văn H1 (là người đang sử dụng đất) tại Tờ trình số 1007/TTr- TTPTQĐ ngày 26/8/2022 và Tờ trình số 1006/TTr-TTPTQĐ ngày 26/8/2022 về việc thu hồi đất.

Ngày 14/9/2022, Phòng T1 có Tờ trình số 596/TTr-PTNMT về việc đề nghị thu hồi đất và Báo cáo số 597/BC-PTNMT về việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ xây dựng công trình.

Ngày 26/9/2022, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 26/9/2022, về việc thu hồi đất (đợt 3) để xây dựng công trình đường T và Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 26/9/2022, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 3) để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường T. Theo đó, phương án bồi thường hỗ trợ như sau: “Thửa đất số 437, tờ bản đồ số 15, diện tích 138m<sup>2</sup>, loại đất BHK chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được ông H1 sử dụng từ năm 2000 đến năm 2001, sau đó ngưng sản xuất, đến năm 2006 tiếp tục sản xuất cho đến nay, quá trình sử dụng đất không liên tục nên không đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 75 và Điều 82 Luật đất đai năm 2013 vì không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Nguyễn Văn H1 được hỗ trợ tài sản trên đất là cây cối với mức hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Q”.

UBND thành phố Đ khẳng định việc ban hành Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 26/9/2022, về việc thu hồi đất (đợt 3) để xây dựng công trình đường T và Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 26/9/2022, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 3) để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường T cho ông Nguyễn Văn H1 là đúng đối tượng đang sử dụng đất, đúng quy định của pháp luật.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị trình bày:*** Dự án công trình đường Vành đai cứu hộ cứu nạn phía Tây thành phố Đ (gọi là đường T) do Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh Quảng Trị làm chủ đầu tư và giải phóng mặt bằng. Trên cơ sở đề xuất của trung tâm thì UBND thành phố Đ ra quyết định thu hồi và giải phóng mặt bằng.

Đối với diện tích thửa đất số 437, tờ bản đồ số 15, diện tích 138m<sup>2</sup>, địa chỉ khu phố F, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị thực hiện quy trình kiểm đếm đầy đủ có hội đồng địa phương, xác nhận tài sản trên đất của ông Nguyễn Văn H1 có cây hoa màu.

Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị căn cứ vào hồ sơ đề xuất của UBND phường C xác nhận nguồn gốc để lập phương án hỗ trợ. Sau đó trung tâm trình phương án thu hồi. Xác định ông Nguyễn Văn H1 là người sử dụng đất nên đền bù cho ông H1.

Do ông H1 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên xác định theo hiện trạng và ông H1 trồng cây hoa màu nên không được bồi thường về đất. Do đó, thửa đất này không liên quan đến ông Đặng Thanh B.

Với chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Q đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố Đ **trình bày:** Năm 1991, ông B có một lô đất tại khu văn hóa (cũ) Phường C, thành phố Đ, ông B có phiếu nộp lệ phí ủng hộ phường nhưng không rõ nội dung và thông báo nhận đất, thửa đất đó ông B chưa sử dụng đến năm 2000 và chưa được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất quy chủ do UBND phường quản lý tại hồ sơ đo đạc năm 1993.

Đến năm 2000, giữa C với ông B có thỏa thuận đổi đất, và quy chủ cho ông B một lô đất tại thửa số 437, tờ bản đồ số 15, diện tích 138m<sup>2</sup>, địa chỉ: Khu phố F, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, cùng thời điểm có ông Tô Duy G và ông Đặng Thanh B được chuyển lô đất ra vị trí mới, đối với ông Tô Duy G đã làm thủ tục và đã được cấp đất còn đối với ông B có làm thủ tục cấp giấy tại UBND Phường 3, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2017, dự án đường T được triển khai, do anh B không sử dụng đất nên không được thu hồi và đền bù theo quy định.

Đối với nguồn gốc thửa đất: Trước năm 2000, thửa đất số 437, tờ bản đồ số 15, diện tích 138m<sup>2</sup>, địa chỉ: Khu phố F, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị do ông Nguyễn Văn H2 khai hoang sử dụng đến năm 2000, ông H2 để lại cho ông H1 sản xuất để trồng các cây nông nghiệp. Năm 2000, C sử dụng thửa đất này để đổi cho ông B và C cùng ông B thống nhất lập thành văn bản ngày 19/4/2000, thành phần gồm: Đảng ủy, UBND, UBMTTQVN Phường 3. Do đó, tại bản đồ đo đạc địa chính và sổ mục kê năm 2002 thửa đất này được kê khai cho ông Nguyễn Thanh B1 (ông Nguyễn Thanh B1 với ông Đặng Thanh B là một và là người khởi kiện trong vụ án, xác nhận việc đăng ký kê khai khác họ do có sự nhầm lẫn). Do đó, ông H1 ngừng sản xuất từ năm 2001 đến năm 2005, năm 2006 ông H1 tiếp tục sản xuất cho đến khi có thông báo thu hồi của UBND thành phố, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 trình bày:***

Thực hiện chủ trương thu hồi đất xây dựng công trình đường T, ông H1 được nhận đền bù số tiền 2.500.000 đồng, đền bù cây hoa màu trên đất thuộc thửa đất số 437, tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Khu phố F, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, sau khi nhận được số tiền đền bù ông không có ý kiến gì. Đối với diện tích thửa đất ông H1 trồng cây hoa màu ông không biết của ai, thấy không ai sử dụng nên trồng cây, khi có chủ trương thì ông H1 đã trả lại và không có tranh chấp gì về thửa đất được đền bù và xác định không liên quan. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 27/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 164 Điều 191, Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 69, Điều 74, khoản 1 Điều 75, Điều 99, Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Đặng Thanh B, bà Nguyễn Thị N.

- Hủy một phần Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 về việc thu hồi đất (đợt 3) để xây dựng công trình đường T; Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 3) để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường T, Thông báo số 120/TB-UBND ngày 19/7/2022 của UBND thành phố Đ đối với phần diện tích thửa đất số 437, tờ bản đồ số 15, diện tích 138m<sup>2</sup>, địa chỉ: khu phố F, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị;

- Buộc UBND thành phố Đ thực hiện thủ tục thu hồi đất đối với thửa đất số 437, tờ bản đồ số 15, diện tích 138m<sup>2</sup>, địa chỉ tại khu phố F, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị để giải quyết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Đặng Thanh B, bà Nguyễn Thị N theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/5/2023, Người bị kiện có đơn kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 27/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

***\*Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Người khởi kiện trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: giữ nguyên yêu cầu tại đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trình bày quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX phúc thẩm bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Bởi việc ban hành các Quyết định hành chính nêu trên đã xâm phạm quyền và lợi ích của Người khởi kiện. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và buộc UBND thành phố Đ thực hiện thủ tục thu hồi đất đối với thửa đất số 437, tờ bản đồ số 15, diện tích 138m<sup>2</sup>, địa chỉ tại khu phố F, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị để giải quyết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Đặng Thanh B, bà Nguyễn Thị N theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục:**

[1.1] Phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt Người bị kiện, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị thụ lý, giải quyết đúng đối tượng, thẩm quyền, còn thời hiệu quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, ngày 15/5/2023, người bị kiện nhận được Bản án sơ thẩm, ngày 25/5/2023 có đơn kháng cáo gửi Tòa án. Như vậy, kháng cáo của người bị kiện đúng thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Nguồn gốc thửa đất số 437, tờ bản đồ số 15, diện tích 138m<sup>2</sup>, địa chỉ khu phố F, phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (thửa đất 437): Năm 1991, C, thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cấp cho ông B 01 lô đất có diện tích 140m<sup>2</sup>, tại khu vực nhà văn hóa P, để làm nhà ở, (đã có nhà ở). Năm 2000, C có chủ trương xây dựng làm đường liên thôn (mở đường từ khu phố F đường Q đến đến nhà máy điện Đ) nên Đảng ủy, UBMTTQ và UBND phường C vận động các hộ dân đổi đất làm đường giao thông, trong đó có đất của ông B. Ngày 19/4/2000, ông B và UBND phường C đã lập Biên bản thỏa thuận với nội dung: *Do quy hoạch*

*mở đường khu phố 6 từ đường I đến nhà máy điện Đ đã dựng vào phần đất của các hộ đã cấp nên Phường có chủ trương đề nghị cấp nơi khác cho hộ ông Đặng Thanh B, cụ thể là chuyển đến nơi mới ở đường Q, từ ông Tô Duy G trở lên với diện tích như nơi cũ đã cấp là 140 m<sup>2</sup> (mặt tiền đường 9 là 7 m, chiều dài là 20m).*

Tại các văn bản 2417/UBND-PTNMT ngày 30/11/2022 và các lời khai của đại diện người bị kiện cũng như của UBND phường C trong quá trình tham gia tố tụng đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 437, tờ bản đồ số 15, diện tích 138 m<sup>2</sup> đất “T” mang tên ông Đặng Thanh B như nêu trên là sự thật nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 79 Luật tố tụng hành chính.

[2.2] Như phân tích ở mục [2.1] và tại giấy mời ngày 15/8/1992 của UBND phường 3 thể hiện mời ông Đặng Thanh B nhận nên đất làm nhà (khi đi nhớ mang theo cọc để đóng mốc); tại Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B, UBND phường 3 xác nhận: “*Đất được UBND phường cấp năm 1991 tại khu vực văn hóa cũ. Nhưng đến năm 2000 do quy hoạch mở đường đoạn từ Quốc lộ I vào nhà máy điện nên UBND phường và gia đình đã có giấy thỏa thuận chuyển đổi vị trí lô đất cũ đến vị trí mới tại Quốc lộ I*” vào ngày 17/7/2017. Từ các giấy tờ, tài liệu xác nhận trên khẳng định ông Đặng Thanh B được Nhà nước cấp cho lô đất (cũ) tại khu vực văn hóa cũ trước thời điểm 15/10/1993 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các chứng cứ này thể hiện có một trong các giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[2.3] Tại Biên bản thỏa thuận ngày 19/4/2000, giữa ông Đặng Thanh B và UBND phường C có nội dung tại mục [2.1], thể hiện ông B được chuyển đổi quyền sử dụng đất từ lô đất cũ (có nhà ở) tại Khu vực văn hóa cũ chuyển đến nơi mới ở đường Q, từ ông Tô Duy G trở lên với diện tích như nơi cũ đã cấp là 140 m<sup>2</sup> (mặt tiền đường 9 là 7 m, chiều dài là 20m) quy định tại điểm c khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai năm 2013.

[2.4] Các tài liệu, chứng cứ, sự kiện pháp lý thể hiện người quản lý, sử dụng đất: Sau khi nhận bàn giao đất tại thửa 437, tờ bản đồ số 15, ông B đã kê khai, có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất có xác nhận của UBND phường 3, tại bản đồ đo đạc địa chính và sổ mục kê năm 2002 thửa đất này kê khai tại thửa 437, tờ bản đồ số 15, diện tích 138m<sup>2</sup> đất “T”; có biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất; Hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2002, Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai lập ngày 16/12/2003 của C; liên tục từ năm 2003 đến 2019 vợ chồng ông B làm các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; có tên trong danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lập ngày 02/12/2009 và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế từ năm 2004 đến năm 2012. Tại Phiếu trả hồ sơ ngày 24/6/2019 của Văn phòng Đ, chi nhánh Đ1, nêu lý do trả hồ sơ: đề nghị UBND phường 3 làm việc với các gia đình có liên quan để xác định lại vị trí giao đất cho ông Đặng Thanh B và giải quyết tranh chấp với hộ ông G (nếu có). Mặt khác, tại Biên bản làm



việc ngày 19/4/2023 của Tòa án sơ thẩm, ông H1 khai rằng ông không biết thửa đất của ai, thấy không ai sử dụng nên vào sử dụng trồng cây hoa màu, tôi không liên quan đến thửa đất đền bù. Hơn nữa, theo lời khai của UBND phường C thì cùng thời điểm được chuyển lô đất ra vị trí mới thì ông Tô Duy G đã làm thủ tục và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn đối với ông B có làm thủ tục cấp giấy tại UBND phường 3 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.5] Với các phân tích trên, xét thấy để thực hiện Dự án đường T, UBND thành phố Đ ban hành Thông báo 120/TB-UBND ngày 19/7/2022 về việc thông báo thu hồi đất (điều chỉnh) xây dựng công trình đến ông Nguyễn Văn H1; ngày 26/9/2022 Ủy ban tiếp tục ban hành Quyết định số 1982/QĐ-UBND về việc thu hồi đất (đợt 3) để xây dựng công trình đường T (viết tắt Quyết định 1982) và Quyết định số 1981/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 3) để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường T (viết tắt Quyết định 1981) thu hồi thửa đất 437, tờ bản đồ số 15, diện tích 138m<sup>2</sup> đất “T” đối với người quản lý, sử dụng đất là ông Nguyễn Văn H1, xác định loại đất thu hồi là đất trồng cây hàng năm là không đúng đối tượng, loại đất theo quy định tại Điều 11 Luật đất đai và hỗ trợ, bồi thường cho ông H1 là không đúng quy định tại các Điều 67, 68, 69, 74, khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013, làm xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đặng Thanh B và bà Nguyễn Thị N.

[3] Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, xét thấy Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thanh B, hủy một phần Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 về việc thu hồi đất (đợt 3) để xây dựng công trình đường T; hủy Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 3) để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường T, Thông báo số 120/TB-UBND ngày 19/7/2022 của UBND thành phố Đ đối với phần diện tích thửa đất số 437, tờ bản đồ số 15, diện tích 138m<sup>2</sup>, địa chỉ: khu phố F, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; Buộc UBND thành phố Đ thực hiện thủ tục thu hồi đất đối với thửa đất số 437, tờ bản đồ số 15, diện tích 138m<sup>2</sup>, địa chỉ tại khu phố F, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị để giải quyết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Đặng Thanh B, bà Nguyễn Thị N theo quy định của pháp luật là có căn cứ pháp luật.

[4] Tại giai đoạn phúc thẩm, Người bị kiện không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới làm thay đổi bản chất vụ việc nên HĐXX phúc thẩm bác kháng cáo của người bị kiện yêu cầu hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

[5] Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng tại phiên tòa.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người bị kiện kháng cáo không được chấp nhận, do vậy chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên:

1. Bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 0300 ngày 26/6/2023 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Võ Thị Ngọc Dung**